

CÔNG TY TNHH FENIKAS PARTNERS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FENIKAS PARTNERS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FENIKAS PARTNERS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FENIKAS

2. Mã số doanh nghiệp: 0110515562

3. Ngày thành lập: 20/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 68, ngõ 73 Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977950388

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ đấu giá hàng hóa	4610
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Trồng lúa	0111
19.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
20.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
21.	Trồng cây mía	0114

22.	Trồng cây lấy sợi	0116
23.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
24.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
28.	Trồng cây điều	0123
29.	Trồng cây hồ tiêu	0124
30.	Trồng cây cao su	0125
31.	Trồng cây cà phê	0126
32.	Trồng cây chè	0127
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
34.	Trồng cây lâu năm khác	0129
35.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
36.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
37.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
38.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
39.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
40.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
41.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
42.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
43.	Khai thác và thu gom than non	0520
44.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
45.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
46.	Dịch vụ đóng gói	8292
47.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
48.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
49.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
50.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
51.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
52.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
53.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
54.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
55.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
56.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
57.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
58.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810

59.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
60.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020(Chính)
61.	Quảng cáo	7310
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
63.	Cho thuê xe có động cơ	7710
64.	Bán buôn tổng hợp	4690
65.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
66.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
67.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
68.	Khai thác muối	0893
69.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
70.	Sản xuất sợi	1311
71.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
72.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
73.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
74.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
75.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
76.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
77.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
78.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
79.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
80.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
81.	Thuộc, sơ chế da, sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
82.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
83.	Sản xuất giày, dép	1520
84.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
86.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
87.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
88.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
89.	In ấn	1811
90.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
91.	Sao chép bản ghi các loại	1820
92.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
93.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
94.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
95.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310

96.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
97.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
98.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
99.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
100.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
101.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
102.	Đúc sắt, thép	2431
103.	Đúc kim loại màu	2432
104.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
105.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
106.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
107.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
108.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
109.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
110.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
111.	Sản xuất đồng hồ	2652
112.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
113.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
114.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
115.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
116.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
117.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
118.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
119.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
120.	Bốc xếp hàng hóa	5224
121.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
122.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
123.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
124.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
125.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
126.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
127.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
128.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
129.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

130.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
131.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
132.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
133.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
134.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
135.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
136.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
137.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
138.	Thu gom rác thải độc hại	3812
139.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
140.	Xây dựng nhà để ở	4101
141.	Xây dựng nhà không để ở	4102
142.	Phá dỡ	4311
143.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
144.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
145.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
146.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
147.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
148.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
149.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
150.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
151.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
152.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 50.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001093002818

Địa chỉ thường trú: 22 đường Hàng Điếu, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 22 đường Hàng Điếu, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 01/02/1994 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001094009407

Địa chỉ thường trú: 68 ngõ 73 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 68 ngõ 73 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội